| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NAM TRÀ MY**<br>**TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 14-6-2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thu Tám.**
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Võ Đăng Thuận;**
Ông **Hồ Văn Xung.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Huỳnh Phước Quang** - Thư ký TAND huyện Nam Trà My.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My tham gia phiên tòa:*** Ông **Lê Văn Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam, xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 19/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 01/6/2018 đối với các bị cáo:

**1. Hồ Văn D** - Sinh ngày 07/01/1995 tại xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn 2, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Xê đăng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Đua và bà Hồ Thị Ben; có vợ là Hồ Thị Bỉ và có 02 người con (sinh năm 2013 và năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2018 đến nay. Có mặt tại phiên toà.

**2. Nguyễn Đức Ch** - Sinh ngày 06/5/1993 tại xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn 2, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Xê đăng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Na và bà Hồ Thị Hạnh; có vợ là Hồ Thị Dét và có 01 người con (sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2018 đến nay. Có mặt tại phiên toà.

***- Những người bào chữa cho các bị cáo:***

+ Người bào chữa cho bị cáo **Hồ Văn D**: Ông **Lương Đình Nam** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt tại phiên toà.

+ Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Đức Ch**: Ông **Lê Văn Hương** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt tại phiên toà.

***- Những người bị hại*:** Ông **Nguyễn Văn Dũng** - Sinh năm 1970 và bà **Nguyễn Thị Minh Thiệu** - sinh năm 1973. Cùng trú tại: Thôn 2 , xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Có mặt tại phiên toà.

***- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

+ Bà **Nguyễn Thị Thu H** - Sinh năm 1974. Trú tại: Thôn 2, xã Trà Mai, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Có mặt tại phiên toà.

+ Ông **Nguyễn Minh Đ** - Sinh năm 1983. Trú tại: Thôn 2, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, Quảng Nam. Vắng mặt, có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

***- Người phiên dịch:*** Bà **Hồ Thị Đua** - Sinh năm 1989. Trú tại: Thôn 3, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Có mặt tại phiên toà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/7/2017 Hồ Văn D và Nguyễn Đức Ch ngồi nhậu tại nhàCh. Đến khoảng 12 giờ 20 phút, D rủCh đi trộm Sâm Ngọc Linh tại thôn 2, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My (được D vàCh phát hiện khoảng 01 tháng trước đó).Ch đã đồng ý và cả 02 cùng thực hiện Hnh vi trộm cắp Sâm Ngọc Linh cụ thể như sau:

**Lần thứ nhất:** Trưa ngày 28/7/2017, D rủCh đi nhổ trộm Sâm để bán lấy tiền tiêu xài vàCh đồng ý. Cả hai cùng đi bộ khoảng một tiếng đồng hồ thì đến núi Ni Dóc thuộc thôn 2, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My. Khi cách vườn Sâm khoảng 50m, D nghe có tiếng người nói nên bảoCh đứng đợi còn mình đi vòng lên phía trên khu vực trồng Sâm để quan sát. D nhìn thấy ông Dũng và vợ là bà Thiệu đang chăm sóc Sâm nên D biết vườn Sâm này là của vợ chồng ông Dũng, khoảng 10 phút sau thì vợ chồng ông Dũng đi về. D đi vào khu vực trồng Sâm nhổ liên tục trong khoảng 10 phút rồi hái lá Môn ở gần đó gói lại và đi xuống nói choCh biết đã nhổ trộm được Sâm, cả hai đi về. Khi đến khu vực suối gần nhàCh thì D đem số

Sâm vừa trộm ra đếm được 100 cây; D ngắt phần thân và lá vứt xuống sông rồi chọn ra 23 củ Sâm loại lớn tương đương nhau gói riêng trong lá Môn (với ý định sẽ đem đi bán trước); đồng thời cất giấu tất cả số củ Sâm đã trộm cắp được trong bụi cây.Ch đứng nhìn D thực hiện việc ngắt bỏ thân, lá và cất giấu số củ Sâm trong bụi cây rồi cả hai cùng đi về nhà.

Sáng ngày 29/7/2017, D đến nhàCh rủ đem số Sâm trộm được đi bán; cả hai lấy 23 củ Sâm trong số 100 củ Sâm trộm được để riêng trước đó đem xuống chợ Nam Trà My bán cho bà Nguyễn Thị Thu H. D là người trực tiếp đem Sâm vào hỏi bán,Ch đợi ở ngoài cổng chợ. Khi mua bà H có hỏi D về nguồn gốc số Sâm này, thì D trả lời là Sâm của gia đình đem đi bán. Bà H đếm và cân 23 củ Sâm nặng 600g rồi mua với giá là 14.000.000 đồng. Trên đường về, D vàChCha nhau số tiền bán Sâm mỗi người 7.000.000 đồng.

Sáng ngày 31/7/2017, D tiếp tục rủCh đem 77 củ Sâm còn lại đi bán; DCha 77 củ Sâm ra hai bọc, một bọc 20 củ, một bọc 57 củ tương đương nhau và cả 2 cùng đi xuống chợ Nam Trà My tiếp tục bán cho bà H. Số Sâm 20 củ nặng 300g, bán với giá 5.000.000 đồng và 57 củ nặng 800g, bán 18.500.000 đồng. Sau khi bán xong, D bàn vớiChCha tiền bán Sâm nhưngCh không lấy và nói D cứ cất đó đi. Sau đó D đã tiêu xài hết số tiền này.

**Lần thứ hai:**Chều ngày 05/8/2017, D tiếp tục rủCh lên vườn Sâm của gia đình ông Dũng để nhổ trộm, cả hai đi bộ đến vườn Sâm rồi cùng nhau nhổ hết số Sâm còn lại trong vườn rồi đem về khu vực suối gần nhàCh đếm được 50 cây. D ngắt bỏ phần thân và lá vứt xuống sông, phần củ Sâm gói vào trong lá Môn rồi giấu ở bụi cây gần nhàCh.

Ngày 06/8/2017, D tiếp tục rủCh đem số củ Sâm đã trộm được lần 2 đi bán; DCha 50 củ Sâm ra hai bọc: Một bọc 23 củ và một bọc 27 củ tương đương nhau (trong đó có 02 củ lớn). Trên đường đi bán, có đi ngang qua quầy tạp hóa của ông Đ thì D nảy sinh ý định đem số củ Sâm này bán cho ông Đ; D có nói vớiCh thìCh đồng ý. D đem 23 củ Sâm ra hỏi bán cho ông Đ, cònCh đứng ở ngoài. Ông Đ có hỏi về nguồn gốc số củ Sâm này thì D nói là Sâm của gia đình, rồi đưa ông Đ cân được 600g và mua 14.000.000 đồng. Sau đó, D vàChCha nhau mỗi người 7.000.000 đồng rồi cả hai tiếp tục đem 27 củ Sâm còn lại xuống chợ bán cho bà H; 02 củ Sâm lớn bà H cân được 100g mua 5.000.000 đồng và 25 củ Sâm còn lại cân được 300g, mua 5.000.000 đồng; D nói vớiChCha tiền bán Sâm, nhưngCh không lấy và nói D cất đó đi. D đã tiêu xài hết số tiền này.

Ngày 30/10/2017, ông Dũng có đơn trình báo đến Công an huyện về sự việc

gia đình ông bị mất trộm Sâm.

Tại Bản định giá tài sản số 12/KL-ĐGTTHS ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện Nam Trà My đã kết luận số Sâm bị thiệt hại là 150 củ Sâm Ngọc Linh có đặc điểm như đã nêu trên và 01kg thân, lá có tổng giá trị là 104.790.000 (Một trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm chín mươi ngàn) đồng.

**Về vật chứng vụ án:**

- 150 cây Sâm Ngọc Linh bị trộm cắp, D vàCh đã bán cho bà H 127 củ (2,1kg), bán cho ông Đ 23 củ (600g). Sau khi mua số củ Sâm này bà H và ông Đ bán lại cho người khác, Cơ quan Điều tra không thu giữ được.
- Phần thân và lá Sâm không thu giữ được.
- Số tiền 61.500.000 đồng có được từ việc bán Sâm; D vàCh đãCha nhau tiêu xài cá nhân hết, không thu giữ được.
- Số tiền 1.200.000đ (Trong đó, của bà H 200.000 đồng và ông Đ 1.000.000 đồng là tiền lãi thu được từ việc bán Sâm mua của các bị cáo) hiện đang tạm giữ tại tài khoản củaCh cục Thi Hnh án Dân sự huyện Nam Trà My.

**Về trách nhiệm Dân sự:** Người bị hại (gia đình ông Dũng) đã thống nhất thỏa thuận với các bị cáo D vàCh vào ngày 20/3/2018 tại Công an huyện Nam Trà My. Theo đó, D vàCh bồi thường cho gia đình ông Dũng là 104.790.000 đồng (Danh: 52.395.000 đồng vàCh :52.395.000 đồng). Đến nay gia đình ông Dũng đã nhận của bị cáoCh 51.190.000 đồng, còn nợ lại 1.205.000đ và nhận của bị cáo D 30.000.000 đồng, còn nợ lại 22.395.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 18/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My đã truy tố các bị cáo Hồ Văn D, Nguyễn Đức Ch về tội ***"Trộm cắp tài sản"*** theo quy định tại Điểm a, e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội D, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Hồ Văn D từ 18 đến 24 tháng tù giam.

- Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Ch từ 18 đến 24 tháng tù giam.

- Đối với bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Minh Đ, xét Hnh vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên không có cơ sở đề nghị xử lý hình sự.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 tuyên tịch thu sung công quỹ số tiền 61.500.000 đ củaCh và D có được từ việc bán Sâm, 1.200.000đ của bà H và ông Đ thu được từ lãi của việc bán Sâm.

- Về trách nhiệm Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo D,Ch và gia đình người bị hại ông Dũng.

- Về án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

**Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn D - Ông Lương Đình Nam trình bày:**

Cơ bản thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện. Tuy nhiên người bào chữa cho rằng, bị cáo D chỉ phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, không thống nhất áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 truy tố bị cáo phạm tội có tổ chức. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ giá trị bồi thường thiệt hại; áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999 để cho bị cáo được hưởng án treo; miễn tiền án phí cho bị cáo D.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Ch - Ông Lê Văn Hương trình bày:**

Cơ bản thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện. Tuy nhiên người bào chữa cho rằng, bị cáoCh chỉ phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, không thống nhất áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 truy tố bị cáo phạm tội có tổ chức; bị cáoCh phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại cũng có lỗi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo; căn cứ số tiền bán Sâm 61.500.000 đồng của các bị cáo để làm cơ sở buộc bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo D,Ch; miễn tiền án phí cho bị cáoCh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Trà My, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ

luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về Hnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Hồ Văn D và  Nguyễn Đức Ch đã khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tổng giá trị thiệt hại mà các bị cáo gây ra theo kết luận định giá là 104.790.000đ (Một trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm chín mươi ngàn) đồng. Các bị cáo thực hiện Hnh vi trộm cắp hai lần, trước khi thực hiện Hnh vi trộm cắp các bị cáo đều thống nhất ý chí với nhau. Lần trộm thứ nhất, các bị cáo thực hiện Hnh vi mang tính giản đơn; tuy nhiên ở lần thứ hai, Hnh vi trộm cắp được lặp lại như lần đầu. Điều này cho thấy giữa hai bị cáo đã hiểu rõ về phương thức, thủ đoạn thực hiện Hnh vi phạm tội, cách thức phân loại, phương thức tiêu thụ số Sâm trộm được; do vậy giữa hai bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ về ý chí và phương thức Hnh động. Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "***Trộm cắp tài sản***" được quy định tại các điểm a, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 như theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả, Hnh vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hnh vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây hoang mang lo sợ trong nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Hnh vi phạm tội của bị cáo diễn ra trong thời điểm cán bộ và nhân dân huyện Nam Trà My đang ra sức bảo tồn, nhân giống và phát triển cây Sâm Ngọc Linh - Nguồn dược liệu quý hiếm của Quốc gia; bên cạnh đó nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu nhiệm vụ chính trị tại địa phương, trấn an dư luận để nhân dân yên tâm trồng cây Sâm tiến đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo; do vậy cần phải xử các bị cáo một mức án nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung với loại tội phạm này là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

**- Đối với bị cáo Hồ Văn D:** Là người rủ rê, khởi xướng, trực tiếp thực hiện Hnh vi trộm cắp đến 02 lần (điểm g khoản 1 điều 48 BLHS năm 1999) và cũng là người được hưởng lợi từ việc bán Sâm với số tiền lớn hơn nhiều so với bị cáoCh (47.500.000đ). Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự lớn hơn so với bị cáoCh. Tuy nhiên, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999); trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999). Bị cáo là người có nhân thân tốt; là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp còn hạn chế; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999). Do vậy khi lượng hình, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định,thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

**- Đối với bị cáo  Nguyễn Đức Ch:** Là người thực Hnh trong vụ án, bị cáo phạm tội nhiều lần (điểm g khoản 1 điều 48 BLHS năm 1999). Tuy nhiên, bị cáoCh có vai trò thứ yếu trong vụ án, chỉ hưởng lợi (14.000.000đ) ít hơn bị cáo D; do vậy bị cáo chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo D. Bên cạnh đó, bị cáoCh đã tích cực tự nguyện bồi thường (bồi thường gần đủ số tiền thiệt hại), khắc phục hậu quả (điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999); trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999). Bị cáo là người có nhân thân tốt; là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp còn hạn chế; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999). Do vậy, khi lượng hình cần xem xét áp dụng Điều 47 BLHS 1999 để xử dưới khung hình phạt đối với bị cáoCh cũng đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My:

Hội đồng xét xử thấy: Về điều luật áp dụng, tội D, mức hình phạt, xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, miễn tiền án phí đối với các bị cáo là có cơ sở, nên cần xem xét chấp nhận.

Tuy nhiên, việc đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 để xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo D là không phù hợp, nên không có sơ sở để chấp nhận. Đối với đề nghị sung công quỹ số tiền: 14.000.000đ củaCh và 47.500.000đ của D có

được từ việc bán Sâm; Hội đồng xét xử thấy, Viện kiểm sát đã đề nghị buộc các bị cáo bồi thường cộng với đề nghị tịch thu sung công quỹ số tiền thu lợi bất chính là gây bất lợi cho bị cáo nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[6] Về ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo:

- Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn D có quan điểm cho rằng bị cáo D phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, không có tổ chức; Hội đồng xét xử thấy giữa các bị cáo cùng thực hiện Hnh vi phạm tội 02 lần với cùng phương thức và thủ đoạn; hơn nữa trước đó các bị cáo cũng đã tìm thấy vườn Sâm này và để ý một thời gian rồi rủ nhau cùng đến đó để trộm; điều này thể hiện rõ sự cấu kết chặt chẽ về mặt ý chí (phạm tội có tổ chức) nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999, cho bị cáo D được hưởng án treo; Hội đồng xét xử xét thấy Hnh vi phạm tội của bị cáo D là nghiêm trọng, gây hậu quả lớn và để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Đối với yêu cầu giảm nhẹ giá trị bồi thường cho bị cáo D, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ nên không chấp nhận. Chấp nhận đề nghị miễn án phí cho bị cáo D.

- Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo  Nguyễn Đức Ch có quan điểm cho rằng bị cáoCh phạm tội mang tính giản đơn, không có tổ chức; bị cáoCh phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại cũng có lỗi; đề nghị tuyên dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999, cho bị cáoCh được hưởng án treo; Hội đồng xét xử thấy bị cáoCh phạm tội mang tính có tổ chức, thiệt hại gây ra lớn, nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Tuy nhiên, bị cáoCh thực hiện Hnh vi phạm tội với vai trò thứ yêu nên xem xét áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 để xử dưới khung hình phạt đối với bị cáoCh là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đã thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Đối với đề nghị căn cứ số tiền bán Sâm 61.500.000 đồng của các bị cáo để làm cơ sở buộc bồi thường thiệt hại đối với bị cáo D vàCh, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xem xét chấp nhận. Chấp nhận đề nghị miễn án phí cho bị cáoCh.

[7] Đối với việc mua bán Sâm của Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Minh Đ thì thấy: Trong quá trình hỏi bán Sâm, bà H và ông  Đ có hỏi về nguồn gốc số củ Sâm Ngọc Linh mà các bị cáo đem bán, nhưng các bị cáo D vàCh không nói cho bà H và ông  Đ biết số củ Sâm này là do trộm cắp mang đi bán. Vì thế cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Trà My không có cơ sở để xử lý bà H và ông  Đ về

Hnh vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm Dân sự:

- Theo sự thỏa thuận, gia đình ông Dũng đã nhận của bị cáo D số tiền là 30.000.000 đồng, còn nợ lại 22.395.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, giữa bị cáo và gia đình ông Dũng thống nhất mức bồi thường còn lại là 22.395.000đ. Thời hạn thực hiện việc bồi thường đến hết ngày 31/12/2018. Việc thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó cần xem xét chấp nhận.

- Theo sự thỏa thuận, gia đình ông Dũng đã nhận của bị cáoCh số tiền là 51.190.000 đồng, còn nợ lại 1.205.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, giữa bị cáo và gia đình ông Dũng thống nhất mức bồi thường còn lại là 1.205.000đ. Thời hạn thực hiện việc bồi thường đến hết ngày 31/12/2018. Việc thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó cần xem xét chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.200.000 đồng là tiền lãi có được từ việc bán Sâm của bà H và ông Đ.

[10] Về án phí Hình sự, Dân sự sơ thẩm:

Các bị cáo D vàCh là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó cần áp dụng Điều 12, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để miễn tiền án phí cho các bị cáo.

***Vì các lẽ trên***.

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuyên bố bị cáo **Hồ Văn D** phạm tội "***Trộm cắp tài sản***" và xử phạt bị cáo D 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 07/3/2018).

- Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức Ch** phạm tội "***Trộm cắp tài sản***" và xử phạt bị cáoCh 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 07/3/2018).

**Về  trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại):**

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và gia đình người bị hại:

- Bị cáo Hồ Văn D tiếp tục bồi thường cho gia đình ông Dũng số tiền là 22.395.000 (Hai hai triệu, ba trăm chín lăm ngàn) đồng. Thời hạn thực hiện việc bồi thường đến hết ngày 31/12/2018.

- Bị cáo  Nguyễn Đức Ch tiếp tục bồi thường cho gia đình ông Dũng số tiền là 1.205.000 (Một triệu, hai trăm lẻ năm ngàn) đồng. Thời hạn thực hiện việc bồi thường đến hết ngày 31/12/2018.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án; nếu hết ngày 31/12/2018, người phải thi Hnh án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án Dân sự, thì người được thi Hnh án Dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án Dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án Dân sự.

**Về vật chứng vụ án**:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn) đồng, tiền thu lợi từ lãi bán Sâm của ông  Đ và bà H. Số tiền hiện đang được tạm giữ tại tài khoản củaCh cục Thi Hnh án Dân sự huyện Nam Trà My theo thông báo chuyển vật chứng số 01/TB-VKS, ngày 18/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My.

**Về án phí Dân sự, Hình sự sơ thẩm:**

Áp dụng Điều 12, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; miễn tiền án phí Dân sự, Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Bị cáo Hồ Văn D và  Nguyễn Đức Ch không phải nộp tiền án phí Dân sự, Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, những người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười

lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh Quảng Nam;*
*- VKSND tỉnh Quảng Nam;*
*- VKSND huyện Nam Trà My;*
*- Công an huyện Nam Trà My;*
*-Ch cục THA Dân sự huyện Nam Trà My;*
*- Bị cáo;*
*- Bị hại;*
*- Người liên quan;*
*- Người bào chữa;*
*- UBND xã Trà Linh;*
*- Lưu Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Tám**